

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 66/2017/TLST/HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1984.

Trú quán: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1982.

Trú quán: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điều 357 bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 điều 26; điểm a, d khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03/5/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1984.

Trú quán: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1982.

Trú quán: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về tình cảm:** Chị Vũ Thị Q và anh Trần Văn Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Hai bên thoả thuận thống nhất khi ly hôn chị Vũ Thị Q

được nuôi hai con chung là cháu Trần Văn Đ1, sinh ngày 03/9/2003 và cháu Trần Vũ Như T, sinh ngày 23/11/2010 anh Đ nhất trí cấp dưỡng nuôi các con 1.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tiền cấp dưỡng giao cho chị Q nhận.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

*** Về tài sản chung và công nợ chung:** Chị Q và anh Đ đã tự thỏa thuận trước khi hòa giải và đề nghị Tòa án ghi nhận như sau: Giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho chị Vũ Thị Q quản lý. Về nợ chung thống nhất chị Vũ Thị Q có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ chung của vợ chồng gồm 30.000.000đ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Yên, chị Nguyễn Thị H, trú tại thôn B, xã X, huyện V số tiền 4.000.000đ, chị Nguyễn Thị T, trú tại thôn B, xã X, huyện V số tiền 2.000.000đ. Anh Trần Văn Đ không phải trả nợ chung.

*** Về án phí:** Hai bên thỏa thuận chị Vũ Thị Q nhận chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con; tổng cộng là 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc phân chia tài sản chung và nợ chung. Xác nhận chị Q đã nộp 2.800.000 đồng và được hoàn lại số tiền 2.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/03080 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- VKSND H.Văn Yên;
- THADS H.Văn Yên;
- UBND xã X, huyện V;
- Lưu hồ sơ, TQĐ.

THẨM PHÁN

Vũ Quang Sáng